

Viên-âm



Năm 12, Số 120 (8-1-2516)

CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP CỦA HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HO

Bảo quán : 1B, Nguyễn-Hoàng — Huế

CÔNG, TỘI TRƯỚC LỊCH-SỬ

Sống trong sự vang dội của súng đạn khắp ba bên bốn bề, nhân loại quả đang cần một tiếng hồng - chung : tiếng hồng-chung Phật-Giáo.

Phật-Giáo với đặc tính từ-bi tri-tuệ chống tàn-bạo và lưu-manh của Nó, Nó đã và mãi mãi là tiếng hồng-chung kêu gọi và hướng dẫn loài người về Nẻo-Chánh. Lịch sử và sự thực đã chứng minh và còn chứng minh mãi điều đó.

Bởi vậy, chỉ có kẻ muốn lôi cuốn loài người vào quan niệm đĩ đồi với ác tính cố hữu, cho « sống là tranh giành » mới cố tình hay vô ý trở ngại sự khuếch trương của Phật-Giáo. Trái lại, ai đã xác nhận chân lý « sống là giúp nhau » thì dĩ nhiên họ thấy khuếch-trương Phật-Giáo là bổn phận thiêng liêng của đời họ.

Trường hợp này lại chứng minh bổn phận ấy là hợp lý hơn nữa : Phật-Giáo là tôn giáo cổ truyền và duy nhất của dân tộc. Bởi vậy, những kẻ tự gọi hay hữu trách đối với dân-tộc, dân-tộc lại càng đòi hỏi họ sự thực tâm khuếch trương Phật-Giáo. Họ sẽ là tội nhân của dân-tộc nếu họ trở ngại công cuộc khuếch trương đó.

Và trước lịch sử dân tộc cũng như loài người, cái công của người khuếch trương Phật-Giáo thế nào thì cái tội của kẻ trở ngại Phật-Giáo cũng sẽ to-lớn như thế. Mà lịch-sử đã không quên ân ai thì cũng chẳng tha thứ ai bao giờ.

Chúng tôi chắc những người vì Dân-tộc và Nhân-loại sẽ thâm hiểu chỗ đó và biết nhiệm vụ thiêng liêng của mình.

NHÂN NGÀY KỶ-NIỆM ĐỨC DI-LẶC,
PHẬT-TỬ HÃY NHỚ «ĐỨC TÁNH CĂN BẢN» :

ĐỨC TỪ - BI

TỪ BI LÀ THẾ NÀO ?

Từ bi là lòng thương. Nhưng lòng thương nào có thể vừa cho vui vừa cứu khổ, mới là lòng từ-bi. Bởi vậy, lòng thương vụ lợi chỉ là sự mua bán, tình thương thân nhân chỉ là vì máu mủ. Cái thương ấy có khi thương mà hại, lại luôn luôn thương mình mà hại người. Thương như thế dù mấy cũng không lột nghĩa chữ «thương» được. Trái lại, «từ bi mà cho thì cho một người, kết quả cũng bằng cả cõi đất», chứ không như sự «vi mình mà cho thì dù cho tất cả, kết quả cũng chỉ bằng hạt cải» (Luận Đại-trượng-phu).

LÝ THUYẾT CỦA TỪ BI.—

Nhưng mắc gì phải thương, phải cho vui cứu khổ cho người? Đức Phật dạy rằng sự sống là sự tương quan. Sống, tự nó không bao giờ có cái nghĩa riêng biệt. Bởi vậy, muốn sống là phải giúp nhau: phải từ bi. Từ bi trong sự sống tương quan như thế không phải là sự hút nhả và vay trả, mà là một định luật. Định luật ấy nó chống sự tàn ác nên buộc chúng ta không được giết chóc và tác hại, mà phải vừa cho vui vừa cứu khổ cho nhau.

BƯỚC THỰC HÀNH THỨ NHẤT. —

Giúp nhau đề sống, lý thuyết từ bi đó thực hiện bằng hai bước. Bước thứ nhất là « xem tất cả như con một » của mình. Mọi sự phân biệt nội ngoại, xa gần, ân oán, chủng tộc, đều tiêu mất trong lòng từ bi đó. Lòng từ bi đó tạo cho mình cái nhìn bình đẳng; thấy tất cả đều khổ não mà mình phải cho vui và cứu khổ hết thấy.

BƯỚC CỨU CẢNH THỨ HAI. —

Nhưng lòng thương ngó ra người thì dầu xem tất cả như con một chẳng nữa, lòng thương ấy có lúc cũng có giới hạn, nhất là giới hạn thời gian. Lương-hoàng-sám viết: « Lòng thương của cha mẹ chỉ một đời, lòng thương của chư Phật vô tận. Cha mẹ thương, nhưng thấy con phi ân bội nghĩa thì giận thì oán, lòng thương mỏng đi. Từ tâm của Phật không có như thế: thấy ai như vậy lòng lại càng thương, cho đến lần vào đại địa ngục thay họ chịu mọi thứ đau khổ ». Nên bước cứu cánh của từ bi là thấy « người với mình là một », thân người tức thân ta. Duy-Ma đại sĩ nói: « Chúng sinh bệnh nên tôi bệnh, bệnh chúng sinh lành bệnh tôi mới lành ». Lời nói ấy là hiệu hình của lòng từ bi cứu cánh này

NGƯỜI BẠN KHÔNG MỜI VÀ SỰ THAY THẾ CAO CẢ. —

Người bạn không mời là bất thỉnh hữu. Còn sự thay thế cao cả là sự chịu thay mọi thứ khổ não cho người, là đại thọ chúng sinh khổ. Đó là hai hành động của từ bi. Có từ bi thì không phải ai cần, chẳng đợi ai mời, mà mình tự làm người bạn luôn luôn hướng dẫn, giúp ích, Cũng do từ bi đó, mình tự đưa mình ra chịu khổ

cho người được. Xem tất cả như con một, thấy thân người tức thân mình, thì còn có gì mà không làm nổi.

NHƯNG CHO VUI GÌ ? CỨU KHỔ GÌ ?

Trong kinh có nói khổ cũng như vui, có cái thể gian, có cái giải thoát. Cái khổ thể gian là ăn mặc không đủ, cái vui thể gian là đầy đủ dư dật. Nhưng sự đầy đủ dư dật ấy lại chính là cái khổ của giải thoát ; chỉ giải thoát mới thật an lạc. Nhưng cái khổ của thể gian và giải thoát đồng một số phận là sự ngu si. Ngu si không những ám muội, tri thức kém cỏi, mà đặc biệt là có cái nghĩa thuộc về ý chí : sự mạnh động, không uốn mình khuôn theo lẽ phải và không kiên chí trong sự uốn mình đó. Đó là cái gốc của tất cả tội ác và tất cả khổ sở, kết quả của tội ác. Lòng từ bi là địch thủ của cái gốc ngu si ấy. Cho nên cho vui là cho cái vui giác ngộ sự thật mà cứu khổ là cứu cái khổ hòn mê lẽ phải. Mà muốn đạt đến sự cho vui cứu khổ đó thì chỉ có một phương pháp duy nhất mà thôi : phương pháp hướng dẫn họ về Chánh-Pháp. Sự làm người bạn không mời và sự thay thế cao cả của lòng từ bi là để làm công việc hướng dẫn đó.

ĐỨC TÍNH CĂN BẢN.—

Nói tóm, từ bi là lòng thương hoạt dụng mạnh mẽ và hiệu quả, hiệu quả từ một ý thức đến cả vũ trụ. Nhất là vào thời đại này, thời đại mà mặt tâm lý, ta có thể thấy rõ rệt khắp đây đó, hiện thân của lòng tàn ác. Tàn ác, như một ngọn lửa tỏa khói đen nghịt và cao ngất, phủ bọc lấy loài người đau khổ. Mà chống lại lòng tàn ác thì chỉ có lòng từ bi. Từ bi quả là đức tính căn bản, là phương pháp duy nhất,

của thời đại đang mãnh liệt dâng lên cực độ tất cả
triều dương của bề khô.

THỜI ĐẠI NÀY MÀ NÓI TỪ BI ?! —

Bởi vậy, kẻ nào nói thời đại này mà còn nói đến chuyện từ bi, thì kẻ ấy là kẻ đang tàn ác và cố tình giữ sự tàn ác đó. Kẻ nào trực tiếp hoặc gián tiếp làm tổn thương đến uy lực của Từ-Bi là kẻ tội ác của nhân loại, là kẻ thù của hạnh phúc nhân loại, mặc dầu uy lực của lòng Từ-Bi không bao giờ không hiệu quả đối với tàn ác và đau khổ, kết quả của sự tàn ác ấy. Kẻ không tin hiệu lực của lòng từ bi là kẻ ít thì lòng muốn giữ nguyên vẹn sự tàn ác, mà nhiều thì đó là kẻ gieo thảm họa cho loài người. Dù ít, dù nhiều, kẻ không Từ-Bi là kẻ đang phun độc khí của tâm lý họ vào nhân loại, kẻ đang gây chiến và còn gây chiến mãi. Nếu phải thì dụ kẻ ấy là kẻ ma quân thì ma quân ấy chỉ khiếp sợ mỗi một tâm lý độc nhất, tâm lý Từ-Bi, mà thôi. Nên kẻ ấy là kẻ đem lửa « sân hận » đốt cháy thế gian mà chống lại, chúng ta phải đem nước « từ bi » tiêu diệt. Và chúng ta sẽ tiêu diệt được. Mà sẽ tiêu diệt được tận gốc tận ngọn. Vì lý do giản dị lắm: sân hận cũng như từ bi đều phát khởi từ lòng người.

Đức Di-Lặc là vị Phật tương lai, dùng « duy-thức-quán » quán thấy sự tương quan giữa mình với người với vật nên tu tập « từ tâm tam muội ». Nhờ từ tâm ấy mà ngài sẽ thành Phật. Kỳ niệm Ngài, chúng ta hãy khơi ngòi và dâng cao lên suối nước « từ bi » trong tâm thức để diệt tất lửa dữ « sân hận » của tâm thức đi. Làm thế được từng nào là chúng ta xé gần lại với Ngài từng ấy.

THƯƠNG CON HƠN HẾT ?

Đô thị Ba-liên có một thiếu phụ tên Đê-bà, sinh được đứa con đẹp lắm. Nàng bế đến Phật, bạch rằng :

— Con của con đây, con thương nó hơn ngàn vạn lần thân con !

Đức Phật cười dịu dàng :

— Sự vị mình của thế nhân như bèo cả thu hút các dòng sông, có bao giờ thôi và đủ. Con bảo con thương con của con xấp ngàn vạn lần thân mình, lòng thương ấy con có thể mình chững vào trường hợp nào ?

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Con thương con của con cho đến nỗi giá lửa đỏ cháy thân con, con cũng không bỏ nó.

Nàng nói xong, tức thì bốn phía nàng lửa đỏ tới như núi. Khi lửa còn xa thì nàng đưa mình và đồ mặc che con, khi lửa tràn tới gần sát thì nàng một tay che mặt, một tay đưa con ra đỡ lửa, và la : « xin Phật cứu con với. Con, con cũng không tiếc ! Cứu con với ! »

Đức Phật bèn dừng cuộc thử thách, bảo :

— Con thương thân mình và thương con mình đến thế thì chớ bao giờ tự mình hoặc bảo người khác, xâm phạm đến tánh mạng của ai !

Nàng Đê-bà liền phát bồ-đề tâm quảng đại.

(Theo kinh Thọ-thập-thiên-giới)

NGHI-THỨC TỤNG-NIỆM

phổ thông nhất

Lời nói đầu. — Chúng tôi gặp anh em Phật-Tử thuộc giới nhân than phiền rằng nghi thức Tụng-Niệm đã ăn hành có hơi nhiều, họ không đủ thì giờ để học thuộc lòng và tụng niệm. Chúng tôi lại gặp anh em Phật-Tử thôn quê cũng đồng một nỗi than phiền ấy. Vậy để giúp anh em Phật-Tử ấy trong bước đầu, học và tụng niệm được dễ dàng, nên chúng tôi rút trong nghi thức Tụng-Niệm đã ăn hành, soạn ra « Nghi-thức Tụng-Niệm phổ thông nhất » này. Dĩ nhiên là sau khi học thuộc và tụng niệm được theo nghi thức này rồi, anh em nên tính tiến học thêm nghi thức Tụng-Niệm đã ăn hành. Học được ngần nào qui ngần ấy. Phật-Pháp khó gặp, thân người dễ mất, điều ấy hẳn anh em cảm thấy rõ hơn ai hết.

Nam mô Thập phương Thường trú Tam-Bảo (1 lạy).

Nam mô Bốn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật (1 lạy).

Nam mô Tiếp dẫn đạo sư A-Di-Đà Phật (1 lạy).

Đệ tử kính lạy, Đức Phật Thích-Ca, Phật A-Di-Đà, thập phương Chư Phật, vô thượng Phật-Pháp, cùng Thánh Hiền tăng. Đệ tử lâu đời lâu kiếp, nghiệp chướng nặng nề, tham giận kiêu căng,

si mê lầm lạc, ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, thành tâm sám hối, thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành, giữa trông ơn Phật, từ bi gia hộ, thân không tật bệnh, tâm không phiền não, hằng ngày an vui tu tập, phép Phật nhiệm mầu, đề mau ra khỏi luân hồi, minh tâm kiến tánh, trí tuệ sáng suốt, thần thông tự tại, đặng cứu độ các bậc tôn trưởng, cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sinh, đồng thành Phật-đạo.

X

Đại từ đại bi thương chúng sinh,

Đại hùng đại lực cứu hàm thức,

Nam mô Bồn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật (10 lần).

Nam mô Tiếp dẫn đạo sư A-Di-Đà Phật (10 lần).

X

Khề thù quý y Tổ tất đễ,

Đầu diện đánh lễ Thất câu chi,

Ngã kim xưng tán Đại chuẩn đễ,

Duy nguyện từ bi thùy gia hộ.

Ấn chiết lệ chủ lệ chuẩn đễ ta bà ha (21 lần).

Tự qui y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo Đạo Cả, phát lòng vô thượng.

Tự qui y Pháp, xin nguyện chúng sinh, thấu rõ Kinh Tạng, trí tuệ như bể.

Tự qui y Tăng, xin nguyện chúng sinh, quản lý Đại Chúng, hết thầy không ngại.

Lời dặn. — Nghi thức này cầu siêu cũng được mà cầu an cũng được, và tụng niệm vào hai lúc : Lúc đối trước bàn thờ Phật thì bắt đầu vào đứng ngay thẳng, để tâm yên lặng lại một chút, rồi xướng 3 danh hiệu, mỗi hiệu lạy 1 lạy ; lạy xong thì tụng niệm, cứ mỗi chỗ có dấu chữ X là dứt mô đã, sẽ tiếp qua đoạn khác ; tụng xong thì đứng lặng lại một chút, rồi cung kính lạy 3 lạy. Thế là xong. Chú ý : Trong nghi thức này, qua hàng hay không qua hàng không kể, hễ chỗ nào đánh dấu chấm mới đánh chuông, lại xem cho kỹ sự đánh dấu mà ngắt câu lúc tụng. Chúng tôi từng nghe nhiều người không để ý cách đánh chuông và cách ngắt câu, nên làm cho lời tụng niệm mất ý nghĩa hoặc sai lạc ý nghĩa đi. Nhưng đó là nói lúc tụng niệm trước bàn thờ Phật, còn lúc thường hay lúc biến, không có bàn Phật thì cũng có thể tụng niệm theo nghi thức này. Nghi thức này để cho những lúc như thế nhiều hơn. Những lúc như thế thì tụng thầm hay tụng to, cách nào cũng được. Và trước khi tụng hay khi tụng rồi, chỉ yên lặng tâm trí lại vài giây là được. Ngoài ra, ai muốn thọ trì trong hằng ngày theo nghi thức này cũng hiệu quả như là thọ trì kinh tạng vậy.

Kinh Thăng Mang

TỰA

Chữ Phật-tử không có nghĩa là con Phật hay là tin-đồ Ngài. Cái nghĩa Phật-tử là cái nghĩa có thể làm Phật như Phật. Đức Phật chưa bao giờ tuyên bố có ai không thể thành Phật, mà chỉ tuyên bố và đã tuyên bố rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật.

Phật-tử phụ nữ cũng vậy: vốn có Phật tánh, vốn có thể thành Phật. Chứ đàn ông đàn bà trong Đạo Phật chỉ vẫn vẹn ở hình thức nghiệp báo, hoàn toàn không có ở tâm tánh và năng lực của tâm tánh ấy.

Hoàng-hậu Thăng-Mang, một Phật-tử phụ nữ xưa, sẽ đích thân làm chứng tất cả những điều trên này trong bản kinh mang tên của bà đây. Chúng tôi muốn giúp cho Phật-tử phụ-nữ có một con đường học Phật cao tột, và dễ dễ dàng hiểu biết con đường ấy, chúng tôi chỉ dịch ý, rồi tiếp theo, chỉ viết vó cùng vẫn tất đại ý cùng sự học Phật theo kinh ấy.

Sự học Phật ấy quả là khó. Nhưng làm chúng sinh cũng khó nữa là làm Phật! Đời giá trị một chữ gắng mà thôi.

Có người lại e cho Phật-tử phụ-nữ thấy kinh Thăng-Mang này thì sự tự hào sẽ đến trước và có khi lấn át cả sự thực hành. Có lẽ đâu có điều đó, các bà? Tôi, tôi chỉ lo sự tự hào đó không có được ở các bà, làm cho Phật-Pháp cứ khuất mãi đi bởi sự tự khinh-năng lực mình của các bà mà thôi. Chứ tự hào có Phật tánh, tự hào có thể thành Phật, tự hào có thể tu hành để thành Phật, thì sự tự hào đó quả là hy vọng cao nhất của đời Đức Phật mà kẻ viết sách này mạo muội chen vào.

Ngày 5-11-2516
KIM-SON

DỊCH Ý KINH THẮNG-MANG

I

Kinh này tôi nghe Đức Phật dạy trong thi gian Ngài ở tinh xá Kỳ-hoàn. Bảy giờ hoàng đế Ba-Tư-Nặc và hoàng hậu Mạt-Ly lý giải và thâm tín Chánh-Pháp mới có mấy ngày, nhưng bảo nhau :

— Con ta, hoàng hậu Thắng-Mang là người thông minh diệu ngộ, nếu được yết kiến Phật-dà thì thế nào cũng lý giải Chánh-Pháp mau chóng và tâm trí sẽ thông đạt vô ngại. Chúng ta hãy viết thư gấp cho con chúng ta.

Hoàng-đế và hoàng-hậu bèn tán dương một cách vắn tắt công đức vô lượng của Đức Phật trong một bức thư rồi cho sứ-giả Đề-la mang đến cho hoàng-hậu Thắng-Mang ở nước Du-Xà. Đọc thư, hoàng-hậu Thắng-Mang hoan-hỷ cùng cực, nổi vui sướng nhất từ trước đến nay đã phát sinh đầy lòng, nên nói với sứ-giả, giọng tràn ngập thành kính :

— Đức Phật thực là hy hữu. Đức chân thực của Ngài ta phải cúng dường những gì quý nhất của đời người chúng ta ! Đức Thế-Tôn vì đời mà xuất hiện, vậy xin Ngài từ bi cho con được chiêm bái.

Tâm niệm hoàng-hậu Thắng-Mang vừa phát khởi như thế, tức thì thân thể tuyệt diệu của Đức Phật-Đà đã ứng hiện giữa không trung với hào quang sáng rực. Hoàng hậu Thắng-Mang và những người xung quanh hết

sức kinh di, sung sướng, đánh lễ Đức Phật và bằng tâm thanh tịnh, tán dương công đức chí chân chí thật của Ngài :

— Sắc thân tuyệt diệu của đức Thế-Tôn, thế gian này không ai bằng. Chúng con xin đánh lễ sự tuyệt diệu hết-cách mô tả và không thể tư duy ấy.

— Sắc thân của Ngài như thể, trí tuệ của Ngài cũng vậy, trí tuệ của Ngài như thể, chánh pháp của Ngài cũng vậy, nên chúng con thiết tha đem thân mạng chúng con quay về nương dựa nơi Ngài.

— Chiến thắng tất cả tội ác của thân thể và tâm trí, tự đưa mình đến địa-vị-không-thể-khuynh-động-được : chúng con xin đánh lễ đấng Pháp-vương như thế.

— Diệt trừ hết tất cả mê mờ, giác ngộ tận cùng tất cả các pháp, nên thân thể trí-tuệ hoàn toàn tự tại, đầu gối lại và gìn giữ tất cả chánh-pháp, nên chúng con xin đánh lễ.

— Chúng con xin đánh lễ đấng quá sự suy nghĩ, trên sự tưởng tượng, đấng không chi có thể so sánh và thí dụ, đấng giác ngộ chánh pháp không có giới hạn, chúng con xin đánh lễ Đấng Vô-Thượng như vậy, xin Ngài từ bi nhiếp thọ chúng con làm cho chúng con tăng trưởng hạt giống Chánh-pháp. Sự nhiếp thọ đó cúi xin Đức Thế-Tôn ban cho chúng con từ bây giờ cho đến mãi mãi về sau này.

Đức Phật an ủi hoàng hậu Thắng-Mang :

— Lâu rồi, ta đã tác thành cho hoàng hậu. Quá khứ ta đã khai giác, bây giờ ta lại nhiếp thọ, vị lai ta cũng sẽ như thế.

Thắng-Mang hoàng hậu bạch Phật :

— Từ khi sanh ra cho đến bây giờ đây và mãi mãi sau này, bao nhiêu điều thiện con có, con xin Phật từ bi nhiếp thọ con !

Nói rồi, Hoàng hậu cùng mọi người khuynh đảo toàn thân đánh lễ Đức Phật. Đức Phật bèn thọ ký cho Hoàng hậu :

— Hoàng hậu tán dương công đức chân thật của Phật, thiện căn đó sẽ làm cho Hoàng hậu trong vô số đời kiếp làm chúa của sự tự do, và khi nào sinh ra, bất cứ ở đâu, cũng được thấy tôi, gặp tôi một cách hữu ích như bây giờ đây. Hoàng hậu sẽ phụng sự vô số Đức Phật nữa, và qua hai vạn vô số kiếp, Hoàng hậu sẽ thành Đức Phật-Đà huy hiệu là Phồ-Quang Như-Lai. Thế giới Đức Phật ấy sẽ giáo hóa là thế giới không có các ác đạo, sự già yếu, sự bệnh tật, sự khổ não, sự bất ý, bao nhiêu cái khổ ấy đã không mà cái tên bất thiện, ác nghiệp và ác báo cũng không bao giờ có. Tướng tốt, sức khỏe, sự sống lâu, sự hưởng dụng, người thế giới ấy đầy đủ tất cả mà lại hơn cả loài trời cao nhất. Người của thế giới ấy thuần một Đại-thừa. Thế giới ấy là nơi tập hợp của tất cả những người luyện tập điều Thiện.

2

Khi Hoàng hậu Thắng-Mang được Phật thọ ký như vậy thì vô số người nguyện được vãng sanh thế giới tương lai của Hoàng hậu. Đức Thế-Tôn cũng thọ ký cho mọi

người rằng lời nguyện ấy sẽ được thực hiện. * Còn Hoàng hậu Thăng - Mang khi nghe thọ ký xong thì cung kính đứng dậy, tự thề mười điều sau đây :

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào manh tâm hủy phạm đối với tịnh giới đã thọ.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào manh tâm khinh ngạo đối với các bậc tôn trưởng.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào manh tâm giận dữ đối với tất cả chúng sanh.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào manh tâm ganh ghét đối với tướng tốt và đồ đẹp của người khác.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào manh tâm keo lẩn đối với thân thể và đồ dùng của mình.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô-thượng bồ-đề, con thề không khi nào vì mình cất giữ tài sản, mà cất giữ tài sản chỉ vì để giáo hóa những người nghèo khổ.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào vì mình làm bốn điều nhiếp-pháp, chỉ vì hết thấy chúng

sinh nên đem tâm không mê đắm, không biết chán, không biết đủ, không quá ngại, mà nhiếp thọ chúng sinh.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào tạm tránh bỏ khi thấy những người cô độc, bệnh tật, tù tội, hoạn nạn, nguy cấp, khốn khổ, mà quyết làm sao cho họ an ổn bằng lợi ích thiết thực, kỳ họ hết khổ mới thôi.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề không khi nào xa bỏ những kẻ sẵn bắt chần nuôi súc vật, những kẻ làm mọi thứ ác luật nghi khác, hay những kẻ phạm giới, trái lại, khi con được năng-lực thì những kẻ ấy ai đáng chiết phục con sẽ chiết phục, ai đáng nhiếp thọ con sẽ nhiếp thọ. Tại sao phải làm như vậy ? Là vì chiết phục nhiếp thọ những kẻ ấy thì làm cho Chánh-Pháp được tồn tại lâu dài, Chánh-Pháp được tồn tại lâu dài thì loài người loài trời đầy đầy mà loài thú loài quỷ giảm ít đi. Không những như thế thôi, mà còn có thể theo Đức Như-Lai, lăn đẫy bánh xa Chánh-pháp mà Ngài đã lăn đẫy : Vì những lợi ích ấy nên con thề không bỏ rơi những kẻ ác kia.

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Từ nay cho đến khi thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề, con thề nhiếp thọ Chánh-pháp, không bao giờ dễ quên mất. Tại sao phải như thế ? Vì nếu quên mất Chánh-Pháp thì quên mất đại thừa,

quên mất đại thừa thì quên mất ba la mật, quên mất ba la mật thì thoái chuyển đại thừa, mà nếu bỏ tất thoái chuyển đại thừa thì không thể nhiếp thọ chánh-pháp, không thể tùy ý thích gì thì nhập vào chỗ ấy, không thể vĩnh viễn siêu việt địa vị phàm phu: Con thấy không nhiếp thọ chánh-pháp thì có vô số sự tai hại lớn lao như thế. Con lại thấy các vị đại sĩ nhiếp thọ chánh-pháp thì ngược với những tai hại lớn lao trên, sẽ được vô biên phước lợi, nên con thể lời thể trọng đại nhiếp thọ chánh-pháp này.

Cúi xin Đức Thế-Tôn, vì chúa của tất cả các pháp, giờ đây chứng minh cho con ! Cúi xin Đức Thế-Tôn, đức giác vương vô thượng, hiện tiền chứng tri cho con ! Bạch Đức Thế-Tôn ! Con tự biết mười lời thể này khó có người trọn vẹn nên có kẻ sẽ tự khinh năng lực của mình hay có kẻ sẽ nghi ngờ không tin, rồi vì sự tự khinh sự nghi ngờ ấy mà mãi mãi sống vô ích, sống bất an, sống khổ sở trong đêm trường sinh tử, vì vậy, bây giờ đối trước Đức Thế-Tôn, con xin thể lời thể thành thực này : Con thể mười lời thể mà làm được đúng lời nói thì hoa thơm thiên nhiên và tiếng nhạc thiên nhiên sẽ xuất hiện ! Hoàng hậu Thắng-Mang vừa nói xong, hoa đỏ xuống như mưa, đồng thời với lời nói này : Đúng như vậy, hoàng hậu Thắng-Mang ! Hoàng hậu Thắng-Mang ! Thực đúng như lời nói và chí nguyện thành thực của Hoàng-hậu ! Mọi người thấy hoa và nghe lời ấy,

hết cả sự tự khinh và sự nghi ngờ, hoan hỷ vô lượng, họ khác tiếng nhưng đồng một lời phát nguyện, rằng luôn luôn cùng làm việc làm của hoàng hậu Thăng-Mang. Đức Thế-Tôn cũng thọ ký rằng mọi người sẽ được thỏa mãn nguyện vọng đó. X

4 III * Tiếp theo mười lời thề, hoàng hậu Thăng-Mang lại đối trước từ dung Đức Thế-Tôn phát ba đại-nguyện này :

Thứ nhất, nguyện đem những lời thề chân thực ấy an ủi cứu vớt vô lượng vô số chúng sinh, nguyện do những thiện hạnh ấy mà đời nào cũng được trí giác ngộ chánh-pháp.

Thứ hai, nguyện được trí giác ngộ chánh pháp rồi thì bằng tâm chí không chán, đem chánh pháp nói cho chúng sinh.

Thứ ba, nguyện nhiếp thọ chánh-pháp, xả bỏ hết cả thân mạng tài sản để bảo vệ và duy trì chánh-pháp ấy.

Nghe ba đại-nguyện ấy, Đức Thế-Tôn liền thọ ký cho hoàng hậu Thăng-Mang :

— Khi quán về sắc-thị tất cả sắc chất đều vào trong phạm vi quán chiếu của định ấy. Cũng y như thế đó : Hằng sa nguyện vọng của hằng sa bồ tát đều nằm trong ba đại nguyện trên. Ba đại nguyện trên thật quả là vĩ đại.

1 * Hoàng hậu Thăng-Mang bạch Phật :

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Con xin nương uy lực của Ngài mà nói cái đại nguyện chân thật vĩ đại, không có

lời nguyện nào khác chân thật vĩ đại hơn nữa.

Phật dạy :

— Được ! Hoàng hậu cứ trình bày.

Hoàng hậu Thăng-Mang bạch Phật :

— Bạch Đức Thế-Tôn ! Bao nhiêu đại-nguyện của hằng sa bồ-tát đều gồm trong một đại nguyện, là “niếp thọ chánh pháp”. Niếp thọ chánh pháp mới thật là lời nguyện vĩ đại.

Đức Phật liền tán thán :

— Hoàng hậu Thăng-Mang, đúng lắm ! Đúng lắm, hoàng hậu Thăng-Mang ! Trí tuệ và phương tiện của Hoàng hậu thực là sâu sắc vi diệu. Hoàng hậu thực đã lâu lắm trồng cây những cội gốc của điều Thiện. Vì lai, ai có gieo trồng điều thiện ấy lâu lắm, mới có thể hiểu được lời hoàng hậu nói. Thăng - Mang ! Niếp thọ chánh pháp là điều các đức Phật quá khứ hiện tại vị lai đã nói đang nói và sẽ nói. Tôi bây giờ thành tựu trí giác vô thượng bồ-đề cũng thường nói sự nhiếp thọ chánh pháp ấy. Tôi nói nhiếp thọ chánh pháp, công đức thực như trí tuệ và biện tài của Phật vậy, không ai có thể tìm thấy giới hạn của nó. Tại sao công đức nhiếp thọ chánh pháp ấy không ai có thể tìm thấy giới hạn ? Là vì sự nhiếp thọ chánh pháp có sự lợi ích vĩ đại, có một năng lực vô biên.

(sẽ tiếp)

CHƯƠNG TRÌNH PHẬT - PHÁP
CỦA NAM PHẬT - TỬ, BẬC A

MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT

LỜI NÓI ĐẦU. — Muốn đi, người ta phải biết chỗ
minh đến đã. Muốn làm, người ta phải biết để làm gì.
Bởi vậy trong bước đường đi theo dấu chân của Đức
Phật, Phật-tử phải xem việc hiểu rõ mục đích của Đạo
Ngài là điều trước hết và cần thiết nhất.

A. — MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT.

Mục đích của Đạo Phật có ba phương diện :

a) *Chuyên mê được ngộ* : Nghĩa là trừ khử mê mờ
mà được sự giác ngộ. Chúng ta hãy chú ý chữ chuyên
ở đây. Mê, gốc là tâm sở « si »; ngộ, gốc là tâm sở « tuệ »:
Mê và ngộ đồng là cái dụng của tâm thức cả, cũng
như chỉ lên hay chỉ xuống cũng là một cánh tay, nên
ngộ dụng thì tâm thức mê mờ mà chuyển lại thì tâm
thức giác ngộ, chứ không chi khác.

Mê, có thứ mê lý, có thứ mê sự; mê lý là không
thể nghiệm được thực-thể của vạn hữu, mê sự là không
hiểu rõ được thực-tướng của vạn hữu ấy. Ngộ, sẽ trái
lại; đối với vạn hữu, giác ngộ tất cả, kể cả thể-tánh
cũng như tướng-dụng.

b) *Bỏ ác làm thiện.* — Nghĩa là không làm những hành vi tai hại mà tích cực hoạt động những điều hữu ích. Nhưng, cũng như mê và ngộ đều là dụng của tâm thức, ác và thiện đồng là hành vi do tâm thức phát hiện. Tâm thức mê thì hành vi ác, ác từ ý nghiệp đến khẩu nghiệp, thân nghiệp; tâm thức ngộ thì hành vi thiện, thiện từ tư tưởng đến lời nói, hành vi.

Ác thì không trực tiếp cũng gián tiếp, đã hại mình lại hại người; hại mình tức là hại người, chứ trong phạm vi bao quát, không thể có điều hại người mà không hại mình. Thiện thì trái lại, vừa tự lợi lại vừa lợi tha: không trực tiếp thì gián tiếp, trong phạm vi bao quát, hai cái lợi ấy chỉ là hai mặt chứ không phải là hai cái tách biệt.

c) *Hết khổ được vui.* — Nghĩa là sự đau khổ sẽ được thoát ly hết mà sự an lạc sẽ được thay thế vào, nếu đã chuyển mê được ngộ và bỏ ác làm lành. Không cái vui gì được ra ngoài phạm vi của khổ nếu cái vui ấy không phải là kết quả của trí giác ngộ và hành vi thiện, ngược lại, không có cái khổ nào đáng mang danh từ khổ nếu cái khổ ấy vì thật hiện trí giác ngộ và hoạt động hành vi thiện.

Khô, có nổi khô ở trong, có nổi khô ở ngoài; nổi khô ở trong thân thể là hình tướng đã xấu xa, như bần, bệnh tật, mà sự sinh hoạt lại không thỏa mãn hay là gây ra tai hại; nổi khô ở ngoài hoàn cảnh cũng một màu sắc ấy, có thỏa mãn chăng nữa sự thỏa mãn ấy lại truy lạc, vô thường. Vui của trí giác ngộ và hành vi

lành thì trái lại: trong, thân thể trang nghiêm, ngoài, vũ trụ thanh tịnh. Thế giới Cực-lạc lược tả trong kinh là biểu diễn chút ít cái vui ấy.

* * *

Ba điều trên đây, như chúng ta thấy, chỉ là ba phương diện của một mục đích mà Đạo Phật muốn đem ta đến. Ba chữ chân, thiện, mỹ, cũng chỉ là nói lại và phát sinh từ ba phương diện ấy. Và không một mục đích, một cứu cánh, của bất cứ lĩnh vực nào được gọi là hoàn toàn mà không đủ cả ba phương diện đó. Ba phương diện đó, căn bản và đặc biệt là phương diện chuyển mê được ngộ. Không chuyển mê được ngộ thì không thể nào có sự bỏ ác làm lành, hết khổ được vui một cách thiết thực, hiệu quả và đúng đắn được. Bởi vậy, nói ngược lại, Ngộ của Đạo Phật là cái Ngộ vừa giác ngộ, vừa hiền thiện, vừa an lạc. Cái Ngộ ấy gọi là Bồ-Đề, hay gọi là Vô-thượng-giác. Được Ngộ ấy tức gọi là thành Phật, nên chữ Phật được dịch là giác giả, nghĩa là đấng giác ngộ. Và như vậy, nói tóm, mục đích cứu cánh của Đạo Phật là thành Phật. Thành Phật, ở cái mức vô thượng ấy hoàn thành cả ba phương diện chuyển mê được ngộ, bỏ ác làm lành, hết khổ được vui.

B. — BƯỚC ĐẦU CỦA MỤC ĐÍCH ĐẠO PHẬT

Mục đích ấy cao tốt thật. Nhưng chữ cao tốt là nghĩa của chữ hoàn toàn. Mà không hoàn toàn thì gọi

là mục đích thế nào được. Tuy nhiên, mục đích cao tột của Đạo Phật thật hiện ngay từ bước đầu trong đường học Phật. Bởi vậy, ở trong phạm vi loài người, ở giai đoạn trước hết, và dễ dễ thực hiện cho Phật-tử, ta có thể tóm tắt ba phương diện của mục đích cao tột ấy lại thành hai mục đích: Chuyển mê được ngộ và bỏ ác làm lành là mục đích đào tạo một con người mới, còn hết khổ được vui là kiến thiết một xã-hội mới.

a) *Con người mới.* — Là con người có một học thức tương đối đồng thời với sự hiểu biết trách nhiệm, nói tóm là phải chuyển được một phần mê được lấy một phần ngộ; nhưng chưa đủ, con người ấy còn phải khuôn mình theo lẽ phải, theo sự thật mà mình hiểu biết và có trách nhiệm, nói tóm, là phải bỏ được một phần ác làm được một phần lành.

b) *Xã-hội mới.* — Là xã-hội của con người ấy, con người đã chuyển một ít mê được một ít ngộ, bỏ được một ít ác làm được một ít thiện. Cái xã-hội ấy sẽ là xã-hội hết được một ít khổ được lấy một ít vui. Khổ đã hết được một ít thì bao nhiêu áp bức tư tưởng đã hết, mà bao nỗi lũng đoạn sinh hoạt cũng sẽ không còn; còn được một ít vui thì đó là một xã-hội mà hòa bình lành mạnh từ trong đến ngoài.

Nói tóm, mục đích tối cao của Đạo Phật là hướng dẫn con người đến địa vị Vô-thượng-giác. Mục đích ấy, nói thiển cận, thì tức là đào tạo một con người mới và kiến thiết một xã-hội mới.

ĐỜI NGƯỜI

Ngày xưa, Đức Thế-Tôn có dạy thế này trong kinh Vô-thượng : « Nếu đời người vui đẹp, nếu đời người tươi sáng, thì ta và chánh-pháp của ta đã không xuất hiện ra giữa thế gian này với loài người. Nhưng ta và chánh-pháp của ta xuất hiện là vì loài người khổ não và đen tối ấy ». Bởi vậy, tuy chúng ta không có quyền gieo cho nhau những ý tưởng bi quan, vì, Đức Phật từng nghiêm cấm điều đó, cho rằng làm như thế là đồng lõa với sự tàn sát, nhưng sự thật vẫn là sự thật. Sự thật của cuộc đời con người quả thật là đen tối, âm đạm.

Xưa có một ông vua sai một nhóm thần tử thông minh của ông soạn cho ông xem lịch sử của toàn thể nhân loại. Sau bao nhiêu năm tháng, những kẻ thần tử trung thành ấy chở đến những xe sách, yết kiến cái tuổi già gần qua cửa tử của chúa-thượng mình. Ông vua thấy mà chán ngán. Rồi sau mấy phen bảo dọn lại để xem kịp trước phút lìa đời, ông vua kia được nghe lời này trong lần chót, của một trong nhóm thần tử ông : « Muốn tâu thánh thượng ! Lịch sử nhân loại nhiều, nhiều lắm, nhưng, sưu tầm lịch sử nhân loại,

biên chép lịch sử nhân loại ấy, kẻ hạ thần thấy tất cả chỉ viết một chữ, chữ Khô, là đủ». Trên giường bệnh, ông vua đang chơi vui trong ghê sợ của cái Chết ấy mới xác nhận một sự thực mà đời ông, tuy ông đã thấy nó từng ly từng tít ông đã sống, nhưng sự nhận thức ấy đã bị sự « lấy đau khô thay đau khô » đánh bật đi.

Lấy đau khô thay đau khô là thế nào? Là như kẻ bộ hành đã đặt gánh nặng lên vai rồi thì vai này nặng lại dời qua vai khác, khi dời qua vai khác thì ở vai này, kẻ bộ hành ấy cảm thấy khoái thích! Giữa cõi thế, đời con người đã có thân là có khổ rồi, nhưng không tự giác mà còn có lúc cảm thấy khoái lạc là chỉ ở trong những trường hợp « đem đau khô thay thế đau khô » ấy. Chỉ có thế mà thôi. Đời người không có màu sắc gì khác hơn là sự khổ não, nếu chúng ta không biết thay đổi nó theo Pháp của Phật. Đây, chúng ta hãy can đảm mà nhìn nhận kẻ thù để còn mong chiến thắng nó. Thoạt đầu, khi ở trong thai mẹ thì cái khổ ấy, thôi, không nói làm chi nữa, nhưng, như thế là chúng ta đã như kẻ bộ hành gánh nặng lên vai rồi vậy. Thế nên, khoan nói khi đưa thân ra giữa trần thế, phải dãi dầm bao nhiêu nắng mưa mà không mấy kẻ đủ tiền hứng gió hay đủ áo ngự hàn, mà hãy ngó chính những kẻ sống trong nhung lụa di nữa, lại là những kẻ do sự sống đó, đã vung bao nhiêu sâu cho người, chuốc bao nhiêu tử vào mình, trong khi họ không neo buộc lại được trong tay một chút gì hết trước sự cướp giật tàn bạo của vô thường. Vị chua cay, mùi đen bạc, tràn đầy bề khô sông mè mà chính họ là kẻ chìm ngập nhiều nhất. Trong khi đó, cái « thân phù thế nghĩa mà đau »; nó chỉ là « bọt trong bể khổ, bèo dầu bến mê »,

Vậy mà cái thân bèo bọt ấy, sự sống kéo nó tới với chút ít khoái cảm lại giật nó lui với trăm ngàn khổ đau! Không những chỉ có thế, thêm vào đó, sự già nua, sự bịnh tật, lại xô đẩy nó một cách phũ phàng đến sự chết chóc mà đời người không thể tránh được. Than ôi! Đời người! Đời người sự thật quả là quá đen tối mà kẻ nào chạy chối sự thật ấy thì chỉ vùi mình mãi trong sự đen tối thôi.

Khổ hơn nữa là đời người đã khổ mà con người lại còn cố tình gây khổ sở cho nhau. Con người lòng đầy tham lam tàn bạo mà lại si mê, con người ấy chỉ tự gây khổ cho nhau để rồi chung nhau chịu lấy khổ ấy. Thế nên sự sống mới bị giết chết phũ phàng, sự yên ổn, nếu có, cũng bị công nhiên khuấy phá tàn nhẫn. Thân là thân của ta, đầu là đầu của ta, thế nhưng đời người chúng ta mấy ai giữ nổi và trọn quyền. Kẻ hoành hành cũng là con người, kẻ chịu đựng cũng là con người. Chiến thắng thì con người bị đầy ải, chiến bại thì con người cam nô lệ. Trong khi đó, nào ai trao quyền cho ai, nhưng ai cũng bị sát phạt! Cuộc đời, con người hầu như không còn chỗ nào đứng vững nữa.

Vậy mà vẫn chưa hết, vì ngay ở địa hạt tín tưởng, đời người cũng chẳng còn biết tin tưởng vào đâu ngoài chánh-pháp. Nay đây là chủ nghĩa duy thần, nay đây là chủ nghĩa duy vật, nay đây là khoa học, nay đây là tôn giáo, giữa chợ đời thứ nào cũng phong góai với những nhãn hiệu đẹp để chói lóa do những bộ óc và bàn tay tham, sân, si. Nhưng nó đẹp là vì do tham, sân, si, mà

nó đầy là vì chứa tham, sân, si. Không có chi mới mà chẳng có gì lạ! Tham sân si hiện hình ra ở đời người nhưng ở mọi lý thuyết, mọi chủ nghĩa mới thật là hình bóng của nó. Nên ở địa hạt này đời người mới thật hết chỗ để chân tin tưởng. Ngay thơ nghe theo tiếng gọi của tham sân si lòng mình mà đi theo lý thuyết của tham sân si lòng người, thì kết quả chỉ tăng thêm tham sân si, chỉ chịu đựng khổ não của tham sân si ấy mà thôi.

Trong không gian, nhìn qua đông tây cũng như nhìn qua nam bắc, trong thời gian, nhìn vào trước sau cũng không khác nhìn vào hiện tại, «đời người chỉ là sự bại hoại hư rã». Nhưng phúc cho đời người là thế gian này có bóng tối thì cũng có ánh sáng, đêm tối bao nhiêu thì ngày sáng bấy nhiêu, nên trong cõi đời hắc ám còn có mặt trời Chánh-pháp. Chánh-Pháp sẽ soi sáng đời người mà công việc trước hết, là làm cho con người thấy rõ sự đen tối của cuộc đời để nhận ra phương hướng phải đi. Bởi vậy, con người đã có năng lực gây ra đau khổ toàn diện đời mình thì toàn diện đời mình cũng sẽ thay đổi được do chính năng lực ấy. Nên đời người chúng ta, chúng ta đã biết là khổ mà khổ vì nguyên nhân nào thì bước thứ hai trong phương hướng mình phải đi là mạnh mẽ quay về Chánh-pháp, chuyển đời sống vô giá trị thành đời sống có giá trị tuyệt đối, đời sống có ý nghĩa mà chúng ta sẽ thấy sau đây. Đời sống ấy là đời sống tràn đầy ánh sáng. Chúng ta cố gắng chống lại, đập tan cuộc đời đau khổ đè vươn mình và đưa người ra ánh sáng ấy.

TĂNG-BẢO

T Ự A

Sự thật, nhiều vị xuất gia không phải không ham tu học, nhưng đã xuất gia trong hoàn cảnh không may mắn, lại không được sách giáo khoa vừa đủ, nên các vị ấy lo ngại: không biết học đến đâu mới thành một bậc xuất gia khả dĩ gọi là Tăng-bảo. Chúng tôi có cái nguyện giúp các vị hết sự lo ngại ấy nên mạo muội soạn tập sách này theo thể giáo khoa. Thời gian học sách này, nếu đã thuộc lòng các nghi-thức và biết cách điệu tụng-niệm rồi thì chỉ tốn trên dưới ba tháng mà thôi.

Chúng tôi đặt tên tập sách này là TĂNG-BẢO vì đây là cuốn sách Phật-Pháp giành cho các vị xuất-gia, và mặc dầu chỉ vừa tạm đủ nhưng học và hành theo, cũng sẽ trở thành những vị Tăng-bảo chúng trung tôn.

Sau khi học sách này, muốn bước lên nữa để thành tựu nhiệm vụ « tác gia » thì phải tu học theo chương trình giáo dục của Phật-học-viện.

Sau hết, chúng tôi hy vọng, tha thiết hy vọng rằng sẽ có tập sách khác hoàn bị hơn thay thế cho tập sách chắc chắn có khuyết điểm này. Chúng tôi lại hy vọng người học vượt lên trên tập sách này và có tập sách khác vượt lên trên nó nữa, soạn đủ theo chương trình của Phật-học-viện.

5 - 11 - 2515
KIM-SƠN

PHẢN NHẬN ĐỊNH

- Mục lục :
- a) Sự xuất gia,
 - b) Mục đích sự xuất gia,
 - c) Tăng già,
 - d) Địa vị Tăng già,
 - d) Nhiệm vụ Tăng già.

A. — Sự xuất gia

« Việc xuất gia khó lắm : Cắt ân ái, từ dục vọng, cô thân chích ảnh đi trên đường giác ngộ, hiến cả đời mình cho một mục đích duy nhất : mục đích hoằng pháp lợi sinh. Việc xuất gia cần phải có năng lực, một năng lực vĩ đại nhất, kiên cố nhất, mới làm nổi việc của người xuất gia, cái việc bỏ mình vì người. Năng lực ấy không ai không có. Nhưng không có gì có ra mà không có nguyên nhân : năng lực xuất gia không phải khi không mà có được. Nó là cả một sự điều luyện. Với người xuất gia thì không có gì khó. Nhưng vì không có điều gì cho là khó nên phải có một năng lực lớn và chắc. Chúng ta hay có những thói rất xấu là ỷ lại, kém tự tín. Rồi khổ sở, chúng tìm đến Đạo Pháp. Chúng ta làm như muốn trốn nắng thì núp vào bóng cây. Chúng ta biết đâu rằng Đạo Pháp của đức Phật-Đà là phải đem thân mình che nắng đỡ mưa cho người... »

Trên đây là những lời nói về sự xuất gia phông thuật theo kinh Đại-phương-tiện-báo ân. Xem đó chúng ta thấy sự xuất gia rất khó, nhưng khó ngăn nào quý ngàn ấy, và phải có một năng lực vĩ đại kiên cố mới xuất gia được.

Nhưng xuất gia nghĩa là gì? Nghĩa đen chữ xuất gia là thoát ly gia đình. Người xuất gia phải thoát ly ba thứ gia đình sau đây mới gọi là xuất gia :

1) **Thoát ly gia đình thế-tục** : Nghĩa là từ bỏ nhà cửa, quyền thuộc, vợ con,

2) **Thoát ly gia đình phiền-não** : Nghĩa là trừ diệt tham lam, sân hận, si mê.

3) **Thoát ly gia đình tam-giới** : Nghĩa là thoát ly dục giới, sắc giới, không giới.

Xuất-gia như vậy, tự nó là phương tiện mà cũng là cứu cánh rồi, chứ không như sự đi tu của ngoại đạo chỉ là một phương tiện mà họ mượn nó để đánh đổi cuộc đời họ vẫn cho là khoái lạc này nhưng không khoái lạc bằng thiên quốc, thế thôi.

BỊ CHÚ : CÓ THÂN CHỊCH ẢNH : một mình một bóng.

HOÀNG PHÁP LỢI SINH : truyền bá chánh pháp để lợi ích chúng sinh.

KIÊN CỐ : bền chắc.

ĐẠO PHÁP : đạo nghĩa là con đường, pháp nghĩa là phương pháp. Chánh-pháp của Phật-đà là con đường, là phương pháp giải thoát, nên gọi là Đạo-Pháp.

PHẬT-ĐÀ : Trung-hoa dịch ý là « giác giả », ý nghĩa là các đấng Giác ngộ. Phật-đà (đấng Giác ngộ) ở đây là chỉ đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni.

DỤC-GIỚI : cõi Dục, chỗ còn dục vọng.

SẮC-GIỚI : cõi Sắc, chỗ còn sắc chất.

KHÔNG-GIỚI : cõi Vô-sắc, chỗ không sắc chất.

B. — Mục đích sự xuất gia

Mục đích duy nhất của người xuất gia là **hoằng pháp lợi sinh** để đi đến **Vô-thượng-giác**.

Hoằng pháp lợi sinh là thế nào ? Giải nghĩa vắn tắt thì hoằng pháp lợi sinh nghĩa lợi ích chúng sinh bằng cách truyền bá Chánh-pháp. Người xuất gia xác nhận rằng chỉ có Chánh - pháp mới có thể cải tạo con người, chỉ có Chánh-pháp mới cải tạo được chúng sinh. Xác nhận như vậy nên người xuất gia truyền bá Chánh - pháp cho mọi người thực hành. Con người thực hành Chánh - pháp thì sẽ được đời mới ; con người đã đời mới rồi thì luôn theo đó, gia đình của con người, xã hội của con người thay đều an lạc. Nhưng đừng tưởng giản dị rằng hoằng pháp lợi sinh chỉ như một việc tuyên truyền. Hoằng pháp lợi sinh là cả một sự tự giác giác tha.

Tự giác giác tha là thế nào ? Là giác ngộ lấy mình và giác ngộ cho người bằng Chánh - pháp. Có giác ngộ lấy mình mới giác ngộ cho người, và giác ngộ cho người là tự giác ngộ lấy mình. Tự giác giác tha như thế, mới gọi là hoằng pháp lợi sinh và nhờ thế, mới đi đến Vô-thượng-giác.

Vô-thượng-giác là thế nào ? Là trí giác tuyệt đối. Trí giác tuyệt đối ấy giác ngộ các pháp một cách cùng tột, đúng đắn. Trí giác ấy là trí giác của các đức Phật. Được trí giác ấy tức gọi là thành Phật.

Nói tóm, mục đích của sự xuất gia là hoằng pháp lợi sinh để thành Phật. Đời cách nói đi, mục đích ấy cũng gọi là tự giác giác tha để được Vô-thượng-giác. Mục đích

ấy, người xuất gia không phải chỉ làm trong một đời mà đạt được. Đời đời kiếp kiếp, hoằng pháp lợi sinh, tự giác giác tha viên mãn mới có thể đạt đến trí giác vô thượng. Tuy vậy, đời đời kiếp kiếp đều lấy sự xuất gia của đời này làm cơ bản, làm nền móng. Nền móng không chắc thì cửa nhà trúc đồ, cũng y như thế, sự xuất gia của ta bây giờ mục đích không chắc thì về sau, đời đời kiếp kiếp sẽ không thành tựu gì cả. Vì vậy, người xuất gia phải nhận rõ và quyết chí theo đuổi mục đích vô thượng của mình.

BỊ CHÚ: CHÚNG SINH: các loài sinh vật. Trong các loài ấy loài người là một.

THÀNH PHẬT: trở nên đấng giác ngộ hoàn toàn.

ĐỜI ĐỜI KIẾP KIẾP: sinh mệnh của chúng ta tương tục bất đoạn, liên kết giai đoạn này đến giai đoạn khác. Những giai đoạn ấy gọi là đời hay gọi là kiếp. Đời đời kiếp kiếp nghĩa là nhiều đời nhiều kiếp.

VÔ THƯỢNG: nghĩa là tuyệt đối, không chi bằng hay cao hơn nữa.

C. — Tăng gia

Tăng-già là chữ Phạn, gọi tắt là Tăng. Trung - hoa dịch ý chữ ấy là chúng, ý nghĩa là đoàn thể. Vậy Tăng-già là đoàn thể của người xuất gia. Đoàn thể ấy gồm có bốn hạng :

1) **Sa di :** là những người xuất gia thọ trì 10 giới sa - di.

2) **Sa di ni :** là những người xuất gia phụ nữ cũng mới thọ trì 10 giới sa-di.

3) **Tỳ kheo :** là những người xuất gia thọ trì 250 giới tỳ-kheo,

4) **Tỳ kheo ni :** là những người xuất gia phụ nữ thọ trì 350 giới tỳ-kheo-ni.

Bốn hạng này, sự cư trú thì nam ở với nam, nữ ở với nữ. Và tự trung, tuy có 4 hạng, nhưng đoàn thể xuất gia chủ chốt là Tỷ-kheo. Tất cả 4 hạng trong đoàn thể xuất gia trên đây đều sống với nhau theo nguyên tắc lục - hòa :

1) **Thân hòa** : thân thể cư trú với nhau và sự cư trú như nhau.

2) **Khẩu hòa** : miệng tiếng không cãi vã và công kích nhau.

3) **Ý hòa** : tâm ý vui vẻ với nhau, kính mến lẫn nhau.

4) **Lợi hòa** : quyền lợi quân phân đồng đều với nhau.

5) **Giới hòa** : giới pháp đồng tuân giữ hành trì như nhau.

6) **Kiến hòa** : ý kiến và hiểu biết đều thông đạt cho nhau.

Nói theo chữ Trung-hoa, thân hòa thì đồng trú, khẩu hòa thì vô tránh, ý hòa thì đồng duyệt, lợi hòa thì đồng quân, giới hòa thì đồng tu, kiến hòa thì đồng giải. Gọi là đoàn thể Tăng-già là phải y luật mà sống với nhau theo 6 thứ hòa-đồng ấy. Và vì sống theo 6 thứ hòa-đồng ấy nên đoàn thể Tăng-già cũng gọi là hòa-hợp-chúng : một đoàn thể mà trong đó, cá nhân hòa hợp với nhau như nước với sữa, như ánh sáng với không gian, đúng như lời Phật dạy.

BỊ CHÚ : CHỮ PHẠN : Chữ Sanskrita, một thứ cổ tự của Ấn-độ. Kinh sách Phật-giáo nguyên bản phần nhiều chép bằng thứ chữ này.

DỊCH Ý : là dịch nghĩa, khác với dịch âm là dịch tiếng. Như chữ (vô) mà dịch vô là dịch âm mà dịch không là dịch ý.

GIỚI : nghĩa là kỹ luật. Kỹ luật của người xuất gia gọi là giới.

LƯẬT : như chữ giới.

(còn nữa)

PHẬT PHÁP KHÁI LƯỢC

Nguyên văn của Ấn-Thuận pháp sư.

TỰ A

Trong cuộc đi dự Hội-nghị lần thứ hai của Hội Phật-Giáo Thế-Giới, tôi có gặp Ấn-Thuận pháp-sư và được tác phẩm này của ông tại HongKong. Trên đường về, đọc, tôi thấy đặc sắc của nó là tìm được sự liên quan của Tiểu-thừa Đại-thừa, nghĩa là, một « hệ thống giáo lý căn bản » của Phật Pháp, chúng ta có thể thấy trong tác phẩm này, một điều mà chúng ta phân vân và muốn tìm biết. Xây dựng được « hệ thống giáo lý căn bản » của Phật Pháp, quả là đại công đức đối với việc chỉnh đốn giáo lý của phong trào Phật-Giáo Thế-Giới ngày nay. Một cuộc sàng lọc giáo lý, một cuộc thủ tiêu thiên kiến đại-thừa tiểu-thừa, một cuộc chứng minh Đại-thừa cũng là tư tưởng nguyên thủy, sau hết, một cuộc chỉnh lý mà luôn theo đó, có tính cách cứu vãn nữa, nền Phật-Giáo Trung-Hoa, đều ở trong tác phẩm này. Tác phẩm này không phải đã đầy đủ, cũng không phải là khái luận về Phật Pháp, nhưng là tác phẩm thành công trong ý muốn của tác giả mà ý muốn ấy trùng với sự mong mỏi của chúng ta.

1-12-2515

KIM-SƠN

LỜI NÓI ĐẦU

Mùa thu năm Dân-Quốc thứ 33, tôi giảng « yếu chỉ kinh A-hàm » tại Hán-Tạng-Giáo-Lý-Viện. Giảng được 13 bài thì thôi. Những bài giảng ấy đã đăng vào tạp chí Hải-triều-Âm, và nhờ hành văn phổ thông nên được người đọc đồng ý không ít. Nhưng đây vẫn là những bài vở chưa hoàn thành. Mùa xuân năm nay, tôi giảng dạy ở Hạ-đảo mới đem 13 bài giảng ấy, bỏ bài thứ nhất nói

về « địa vị của kinh A-hàm », còn bao nhiêu thì đính chính và bổ sung lại thành chín chương, tức là chương 3 đến chương 12 trong sách này. Tự trung chương thứ 7 là dùng bài « giá trị của hành vi cùng với sinh mệnh » tôi viết ngày xưa mà viết lại. Trước 9 chương đó, ngoài bài « tự luận », tôi viết thêm 2 chương nữa, khái luận căn bản của Phật Pháp là Tam-bảo ; sau 9 chương lại viết thêm 8 chương nữa, tức là chương 13 đến chương 20, thuyết minh sự tu-hành và sự chứng-đắc cao thấp bất đồng của người học Phật.

Điểm hệ trọng nhất của Phật Pháp, tôi do luận « Trung-quán » của thánh giả Long-Thọ, được một tin tưởng và lý giải thâm thiết mà dịch xác, rằng « Chân tướng như thực của Phật-Pháp vốn không có chi là cao thấp ; đại-thừa tiêu-thừa chỉ phân biệt ở hạnh nguyện (việc làm và tâm lý) mà thôi ». Duyên khởi trung đạo, đó là nguyên lý cứu cánh vừa căn bản vừa duy nhất của Phật Pháp, mà kinh A-hàm đã thuyết minh nguyên lý đó, nên A-hàm là thánh điển chung của giáo lý tam-thừa. Như vậy, dĩ nhiên, nghĩa lý kinh A-hàm không thể băng cứ vào ý kiến thiên chấp của những kẻ tiêu-thừa phủ nhận đại-thừa hay những kẻ đại-thừa ly khai tiêu-thừa mà giải thích, phán đoán. Theo quan điểm « Phật Pháp vốn nhất vị còn đại-thừa tiêu-thừa là do sự nhận thức của người nghe mà tách biệt », thì với tinh chất tích cực của bồ tát hạnh như từ bi, như lợi tha, ta cũng có thể lý hội được. Như vậy, tinh chất thích ứng với thời đại của Phật Pháp trong thời kỳ ban đầu, ta có thể thâm hiểu rằng nó không phải biểu lộ đầy đủ chân-đế của đức Thích-Tôn. Do đó, đại-thừa ứng vận phát khởi. Tuy đại-thừa là Phật « đứng phương tiện khác nữa, giúp vào việc hiển rõ đệ-nhất-nghĩa » (nguyên văn kinh Pháp-Hoa : cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển đệ nhất nghĩa), nghĩa là tất nhiên nó có ở trong nó, những phương tiện thích ứng

mới, nhưng, chân-tinh-thần của đại-thừa thật là «bỏ ngang các phương tiện mà chỉ nói thẳng Đạo-Vô-Thượng» (nguyên văn kinh Pháp-Hoa: chánh trực xả phương tiện, dẫn thuyết vô thượng đạo). Ấy vậy, đại-thừa thật có những đặc điểm độc nhất của Nó. Phật-Pháp lưu hành trong nhân gian, dĩ nhiên không thể không có phương tiện thích ứng, nhưng chúng ta không thể khắc đồ tìm gương mà đứng lại ở phương tiện chỉ thích ứng với ngày xưa. Thời đại đức Thích-Tôn, tôn giáo Ấn-Độ có hai khuynh hướng lớn, là Sa-môn với Bà-la-môn. Đức Thích-Tôn ứng theo sở thích mà thiết lập giáo pháp, nên giáo pháp Thanh-văn thích ứng với sở thích của những kẻ khổ hạnh, yếm thế, thuộc cánh Sa-môn, còn giáo pháp Bồ-tát thích ứng với sở thích của những kẻ lạc hạnh, thờ thần, thuộc cánh Bà-la-môn. Như vậy, đối với thời đại xưa của xứ Ấn-Độ, sự thích ứng ấy quả là đại phương tiện, nhưng thời gian chảy xuống đến ngày nay ở vào hoàn cảnh khác rồi, thì, như Trung-Hoa ngày nay, ít nhiều phương tiện vi diệu vô thượng không những đã mất cả đại dụng thích ứng mà còn biến thành chướng ngại vật cho Phật-Pháp nữa. Bởi vậy, muốn hoằng dương Phật-Pháp, ta không thể lúng túng vui mình trong những phương tiện của ngày xưa, mà nhiệm vụ hợp lý của ta là phải làm sao cho Phật-Pháp được phát triển trong những phương tiện mới, thích ứng với thời đại mới. Có như vậy mới làm cho ánh sáng Phật-Pháp chiếu sáng khắp cả thế gian hắc ám này. Tôi, do lập trường đó, diễn giảng kinh A-hàm. Tôi không xem Nó là tiểu-thừa. Tôi cũng không xem Nó là nguyên thí. Sự chú trọng của tôi là muốn đào bới trong kho tàng nguyên hũu, hy vọng rạch rẽ chướng ngại ra hai bên để cho Phật-Pháp đi giữa con đường «nhân sinh chánh-đạo», bước dẫn theo những phương tiện mới thích ứng thời đại mà phát dương lên. Và để tránh sự ngộ nhận của một số thiên chấp kinh A-hàm

là tiêu-thừa, tôi đổi tên « yếu chỉ kinh A-hàm » đi, mệnh danh lại sách này là « Phật-Pháp khái lược ».

Phật - Pháp là một tôn giáo « đức hạnh của lý trí », nên tôn giáo ấy lấy sự thực hành thiết thực và cố gắng của chính thân tâm mình làm chủ đề đạt đến mục đích cao sâu và cứu cánh. Tôn giáo ấy xưa nay gọi là Phật - Pháp. Danh từ Phật - Học là danh từ mới đây. Phật-Pháp lưu hành trong nhân gian, cố nhiên có thể thuyết minh Nó có điều tiết, có hệ thống, làm cho Nó học thuật hóa, nhưng bản chất của Phật-Pháp không phải chỉ là khái niệm trừu tượng, không phải mục đích chỉ là thuyết minh mà thôi. Sự « chánh giải » của Phật-Pháp không phải ly khai « tín » và « giới » mà hoàn thành. Hướng chỉ « Pháp » là vấn đề căn bản của Phật-Pháp; tín, giải, hành, chứng (tín tưởng, lý giải, thực hành, giác ngộ) chỉ là những bước thực tiễn của người học Phật khuynh hướng về « Pháp », thực hiện « Pháp » ra. Bởi vậy, sách này tuy là sự thuyết minh, nhưng chỉ có thể nói là y theo Phật - Pháp mà « học » chứ vẫn phải dùng danh từ « Phật-Pháp » để giữ lập trường căn bản của Nó.

Tôi mong mỗi độc giả cũng bằng sự nhận định ấy mà đọc sách này.

Sau hết, bản thảo cũ cất lại đến 4, 5 năm nay, nay nhờ nhân duyên giảng dạy ở Hạ-Đảo mà viết tiếp hoàn thành và ấn hành được. Tất cả công việc này đều nhờ sự giúp sức của pháp hữu Diệu-Khâm Pháp-sư, nên tôi xin ghi ân lại ở đây.

Dân-Quốc 38, ngày 21, tháng 8,

ẤN - THUẬN

ĐÍNH CHÍNH QUAN TRỌNG : Lời nói đầu bài nghị thức tụng niệm phổ thông nhất, ở cuối giọng thứ nhất có sót chữ « quan » trong chữ **quan nhân**.

Cáo Bạch

1. — Sau một cuộc thí nghiệm, V. Á. thấy không có lợi mấy cho độc-giả nên thề theo ý muốn của đa số, V.Á. phải trở lại nội dung và hình thức như cũ.

2. — Nội dung, ngoài những bài vở cần thiết, V.Á. sẽ cung cấp cho Tăng-giả bằng tác phẩm « tăng-bảo » (tác phẩm này đã đăng vài kỳ, nay muốn tiện lợi nên vẫn lục đăng lại từ đầu), cung cấp cho Hội-hữu bằng một chương trình diễn giảng, và cung cấp cho Thanh-niên Phật-Tử bằng chương trình Phật-Pháp của họ. Đối với Phật-tử phụ nữ, V.Á. cũng không quên, nên đã dịch kinh Thắng-Mang ngay từ kỳ này. Dịch phẩm « Phật-Pháp khái lược » sẽ cung cấp cho tất cả những người muốn nghiên cứu hệ thống của Phật-Pháp, nhất là muốn nghiên cứu sự liên quan giữa đại-thừa và tiểu-thừa.

3. — Vì đã có phụ trương « Tin Phật » nên phần tin tức Viên-Âm không đăng tải nữa kể từ nay.

4. — V.Á. chí thành cầu nguyện Tam-Bảo gia hộ và trông mong sự giúp đỡ của toàn thể Phật-Tử (bằng cách tiêu thụ, cõ động, và thanh toán lanh chóng) hầu hoàn thành được chí nguyện hoằng-pháp của Hội Việt-Nam Phật-Học chúng ta.

VIÊN - ÂM

Kiểm-đuyệt số 49 ngày 23-1-53. Nhà in Khánh-Quỳnh Huế

Giá : 5\$00